



## ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ VÀ CÁC LỢI ÍCH XÃ HỘI CỦA MÔ HÌNH CANH TÁC BẮP RAU THEO TIÊU CHUẨN GLOBALGAP TẠI CHỢ MỚI, AN GIANG

Nguyễn Duy Cần<sup>1</sup>, Lê Văn Dũng<sup>2</sup>, Trần Huỳnh Khanh<sup>2</sup> và Võ Thị Gương<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Khoa Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ

<sup>2</sup>Khoa Nông nghiệp và Sinh học Ứng dụng, Trường Đại học Cần Thơ

### Thông tin chung:

Ngày nhận: 02/10/2012

Ngày chấp nhận: 25/03/2013

### Title:

Assessment on economic return and social benefits of baby-corn farming models with GlobalGAP standard in Cho Moi, An Giang

### Từ khóa:

Bắp rau GlobalGAP, mô hình canh tác, hiệu quả kinh tế

### Keywords:

Baby-corn GlobalGAP, farming models, economic return

### ABSTRACT

An investigation was conducted in Cho Moi district, An Giang province with aiming to understand the situation and economic return of baby-corn farming models with GlobalGAP standard. A Participatory Rural Appraisal (PRA) exercises combined with household interviewing was applied in the research at two villages My An and My Hoi, Cho Moi of An Giang. Results from study showed that farmers growing baby-corn with GAP standard applied suitable level of inorganic and organic fertilizer. Fruit yield was high 2.5-3.0 ton/ha/crop. This model gave high net return with 22.6 million dong/ha/crop. The model of baby-corn farming with GlobalGAP integrated with cows raising produced higher economic return with 27.4 million dong/ha/crop, MBCR of GlobalGAP model and traditional one was high. The models of baby-corn farming with GlobalGAP, showed highly appropriate, more benefit of social-environment, farmers acceptability, and predicted to be promising model to this area.

### TÓM TẮT

Nhằm tìm hiểu thực trạng sản xuất, hiệu quả kinh tế và các lợi ích xã hội-môi trường đem lại của mô hình canh tác bắp rau theo tiêu chuẩn GlobalGAP, nghiên cứu đã được thực hiện tại xã Mỹ An của huyện Chợ Mới, An Giang qua khảo sát PRA và điều tra hộ. Kết quả nghiên cứu cho thấy nông dân áp dụng mô hình sản xuất bắp rau theo tiêu chuẩn GlobalGAP có bốn phân hữu cơ, năng suất bắp rau có bốn phân hữu cơ và áp dụng GAP cho năng suất cao, 2,5-3,0 tấn/ha/vụ. Mô hình sản xuất bắp rau theo tiêu chuẩn GlobalGAP cho hiệu quả kinh tế cao, lợi nhuận ròng là 22,6 triệu/ha/vụ. Hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất bắp rau theo tiêu chuẩn GlobalGAP kết hợp nuôi bò thì cao hơn 27,4 triệu/ha/vụ, MBCR giữa mô hình áp dụng GlobalGAP và không áp dụng GlobalGAP rất cao. Mô hình sản xuất bắp rau theo tiêu chuẩn GlobalGAP tỏ ra thích hợp, mang lại nhiều lợi ích xã hội-môi trường, nông dân chấp nhận và được đánh giá có triển vọng phát triển tại địa phương.

## 1 GIỚI THIỆU

Sản xuất nông sản theo tiêu chuẩn GlobalGAP là mục tiêu của các nước hướng đến xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu về bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm cho người tiêu dùng và bảo vệ môi trường. Trong những năm gần đây, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cũng đã có khuyến cáo và từng bước hỗ trợ nông dân sản xuất nông sản theo tiêu chuẩn GlobalGAP hay ViệtGAP. An Giang có diện tích trồng màu lên hơn 57 nghìn ha. Hằng ngày, lượng rau màu nông dân cung ứng ra thị trường lên khoảng 100 tấn. Chợ Mới, An Giang được xem là vùng sản xuất rau màu chủ lực của tỉnh. Chợ Mới hiện có diện tích trồng màu hơn 30.200 ha. Ước năng suất rau màu chỉ riêng Chợ Mới cung ứng ra thị trường hơn 20 tấn/ngày. Canh tác bắp rau theo tiêu chuẩn GlobalGAP đang được các doanh nghiệp và chính quyền địa phương quan tâm và người dân bắt đầu tham gia do những lợi ích về môi trường, sự hỗ trợ kỹ thuật của các nhà khoa học và hiệu quả kinh tế mang lại.

Canh tác bắp rau theo tiêu chuẩn GlobalGAP là kỹ thuật mới được đưa vào áp dụng nhằm cải thiện mô hình sản xuất bắp rau truyền thống. Tuy nhiên, việc đánh giá, tổng kết các mô hình ở các địa phương và ngay cả người sản xuất chỉ giới hạn và quan tâm đến các yếu tố kỹ thuật và hiệu quả kinh tế. Phương pháp tiếp cận mới là xem xét đánh giá các mô hình canh tác không những chỉ dựa trên các thông số của yếu tố kỹ thuật, hiệu quả kinh tế của mô hình, mà còn phải quan tâm đến các yếu tố xã hội, lợi ích về môi trường, sự phù hợp với chính sách địa phương, khu vực (Shaner *et al.*, 1982; Zandstra *et al.*, 1981; Xuan and Matsui, 1998).

Vào những năm gần đây, do sự cạnh tranh của hội nhập kinh tế quốc tế nên nhu cầu về an toàn sản phẩm nông nghiệp cũng được quan tâm, đặc biệt là việc áp dụng các tiêu chuẩn GlobalGap, ViệtGAP trên rau màu. Nhiều địa phương tuy có vùng sản xuất rau lớn nhưng họ vẫn chưa đánh giá một cách đầy đủ các yếu tố xã hội liên quan đến áp dụng các tiêu chuẩn

trên. Phần lớn các báo cáo dựa vào các yếu tố kỹ thuật và hiệu quả kinh tế, xem nhẹ các yếu tố lợi ích xã hội, môi trường. Điều này dẫn đến sự thiếu thuyết phục trong khuyến cáo mô hình cũng như mở rộng của mô hình GAP trên bắp rau. Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu thực trạng sản xuất và đánh giá một cách đầy đủ hiệu quả kinh tế và các lợi ích xã hội của mô hình canh tác bắp rau theo tiêu chuẩn GlobalGAP tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

## 2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1 Phương pháp thu thập số liệu

#### 2.1.1 Địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại xã Mỹ An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Đây là xã nằm trong khu vực đê bao, có diện tích trồng bắp rau lớn nhất huyện.

#### 2.1.2 Điều tra hộ

Số liệu được thu thập qua bảng câu hỏi soạn sẵn. Có hai nhóm hộ được chọn điều tra trực tiếp: nhóm thứ nhất gồm 55 hộ nông dân có truyền thống canh tác bắp rau tại xã Mỹ An được chọn phỏng vấn; nhóm thứ hai có 30 hộ nông dân canh tác bắp rau theo mô hình GlobalGAP. Nội dung câu hỏi phỏng vấn tập trung những thông tin liên quan đặc điểm nông hộ, kỹ thuật làm đất, tưới nước, bón phân, phòng trừ dịch bệnh, chi phí đầu tư, lợi nhuận, tình hình tiêu thụ, tiêu thụ,...

#### 2.1.3 Đánh giá PRA

Phương pháp PRA - Đánh giá nông thôn có sự tham gia (Nguyễn Duy Cần và Nico Vromant, 2009) bằng phỏng vấn chuyên gia, nhóm người cung cấp thông tin chủ chốt (KIP) ở cấp huyện/ xã và cộng đồng được thực hiện vào tháng 11/2011 để thu thập và phân tích thông tin mang tính chất định tính, về môi trường, xã hội, mức độ và hiệu quả của mô hình, dự báo triển vọng của sản xuất bắp rau theo tiêu chuẩn GlobalGAP tại địa phương. Bảng 1 trình bày các công cụ và nguồn cung cấp thông tin.

**Bảng 1: Các công cụ sử dụng và đối tượng cung cấp thông tin**

TT	Tên công cụ sử dụng	Nguồn cung cấp thông tin	Số mẫu (số hộ)
1	Điều tra hộ	Hộ nông dân sản xuất bắp rau không theo chuẩn GlobalGAP	55
2	Điều tra hộ	Hộ nông dân sản xuất bắp rau theo chuẩn GlobalGAP	30
3	PRA	Trạm BVTV huyện, UBND xã, Cán bộ NN, Hội ND xã	6
4	PRA	Nhóm nông dân hợp tác chương trình GlobalGAP	10
5	PRA	Nhóm nông dân sản xuất bắp rau ngoài chương trình	7

**2.2 Phương pháp phân tích số liệu**

Trong nghiên cứu này, phương pháp thống kê mô tả như: so sánh trung bình, tần suất, tỷ lệ được sử dụng để phân tích các chỉ tiêu, số liệu nông học. Các chỉ tiêu định tính về xã hội, môi trường được lượng hóa bằng cách sử dụng thang đo theo thang điểm từ 1 - 10 (mức độ thấp - cao) để cho điểm.

Phương pháp phân tích chi phí – lợi tức (benefit-cost analysis), phân tích tỷ số chi phí - lợi tức biên tế (MBCR), tỷ suất biên tế của lợi nhuận (MRR) (Gines & Morris, 1987; CIMMYT, 1988) được áp dụng.

Công thức tính MBCR (marginal benefit cost ratio):

$$MBCR = \frac{\text{Lợi nhuận (E)} - \text{Lợi nhuận (T)}}{\text{TVC (E)} - \text{TVC (T)}}$$

Trong đó:

E = mô hình thí nghiệm GlobalGAP<sub>1,2</sub> (MH<sub>1,2</sub>)

T = mô hình không áp dụng GlobalGAP (MH<sub>0</sub>)

TVC = total variable cost (tổng biến phí)

Công thức tính MRR (marginal rate of return):

$$MRR = \frac{\text{Lợi nhuận biên tế}}{\text{Chi phí biên tế}} \times 100$$

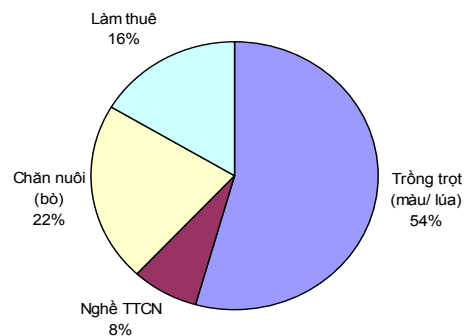
Trong đó:

MRR là tỷ suất biên tế của lợi nhuận; lợi nhuận biên tế là phần gia tăng lợi nhuận và chi phí biên tế là phần tăng thêm chi phí khi thay đổi từ mô hình đầu tư ít sang mô hình đầu tư nhiều hơn.

**3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**

**3.1 Tổng quát hiện trạng kinh tế - xã hội và sản xuất cây màu của xã Mỹ An**

Xã Mỹ An có tổng diện tích tự nhiên là 1.287 ha, trong đó diện tích đất lúa chiếm 272 ha, đất chuyên màu là 494 ha, phần còn lại là diện tích vườn cây ăn trái và đất sử dụng cho các mục đích khác. Dân số của xã Mỹ An có 14.000 người, tương đương với 3041 hộ, trong đó hộ sản xuất nông nghiệp chiếm 1181 hộ. Toàn xã có 261 hộ nghèo, chiếm 8,58%. Các ngành nghề sản xuất chủ yếu của xã Mỹ An bao gồm sản xuất nông nghiệp, làm gạch, chế biến rau quả, đan đất lục bình, hàn tiện sắt nhôm, và nghề mộc. Xã có 123 cơ sở tiểu thủ công nghiệp, 116 cửa hàng ăn uống và 2 khách sạn. Thu nhập bình quân trên đầu người là 18.700.000 đồng/người/năm. Nguồn thu nhập chủ yếu của hộ sản xuất nông nghiệp là trồng trọt chiếm tỷ lệ 54%, trong đó trồng rau màu chiếm 37%. Chăn nuôi chiếm tỷ lệ đáng kể (20%) trong tổng thu nhập của hộ (Hình 1).



**Hình 1: Tỷ lệ các nguồn thu nhập của hộ sản xuất nông nghiệp tại Mỹ An, Chợ Mới**

Sản xuất nông nghiệp tại xã Mỹ An, đặc biệt là ở ấp Mỹ Thạnh chủ yếu là canh tác màu (bắp rau). Theo kế hoạch sản xuất năm 2011, tổng diện tích gieo trồng lúa cả năm là 742 ha, diện tích gieo trồng màu cả năm là 2.907 ha. Sản

xuất lúa từ 2-3 vụ/năm, và trồng màu từ 4-6 vụ/năm. Bắp rau thường được canh tác trong thời gian khoảng 55 ngày là thu hoạch.

Qua kết quả điều tra hộ nông dân sản xuất bắp rau cho thấy, đại đa số nằm trong độ tuổi từ 31 – 60 tuổi; trình độ văn hóa thấp (90% hộ có trình độ cấp 2 trở xuống); diện tích canh tác thay đổi từ 0,1 – 0,5 ha/hộ; kinh nghiệm trồng bắp rau từ 6 – 15 năm. Giống bắp rau được bà con nông dân Chợ Mới trồng là Pacific do công ty Giống cây trồng niềm Nam nhập nội từ công ty Pacific Thái Lan, giống SG-22 (giống bắp râu đỏ) của công ty Syngenta và giống Amazing (giống râu trắng) do Công ty dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang nhập khẩu. Tuy nhiên, hai giống bắp rau được nông dân trồng nhiều nhất là giống Amazing (58,2%) và SG-22 (32,7%). Bảng 2 chỉ tỷ lệ nông dân sử dụng giống bắp rau và năng suất đạt được. Cả 3 giống năng suất không khác biệt nhau.

**Bảng 2: Năng suất các loại giống bắp rau trồng tại Chợ Mới – An Giang**

Giống	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Năng suất trung bình (tấn ha <sup>-1</sup> )	Độ lệch chuẩn
Amazing	32	58,2	2,24	0,36
Giống SG-22	18	32,7	2,30	0,45
Pacific	5	9,1	2,00	0,48

Nguồn: Số liệu điều tra hộ (2011)

Phân hữu cơ đặc biệt quan trọng cho canh tác rau theo tiêu chuẩn GlobalGAP. Kết quả điều tra cho thấy chỉ có 20% nông dân ngoài chương trình, không áp dụng tiêu chuẩn

GlobalGAP có sử dụng phân bò, còn lại 80% chỉ sử dụng phân vô cơ bón cho cây bắp rau (Bảng 3). Phân bò được áp dụng không ủ mà phơi khô, sau đó đem bón cho cây bắp rau với liều lượng khoảng 5 tấn ha<sup>-1</sup>.

**Bảng 3: Năng suất bắp rau có sử dụng phân bò và không có sử dụng tại Chợ Mới – An Giang**

Phân bò	Số hộ quan sát	Tỷ lệ (%)	Năng suất trung bình (tấn ha <sup>-1</sup> )	Độ lệch chuẩn
Có sử dụng	11	20	2,57	0,17
Không sử dụng	44	80	2,15	0,41

Nguồn: Số liệu điều tra hộ (2011)

Kết quả khảo sát hiện trạng canh tác bắp rau cũng cho thấy nông dân sử dụng phân N ở mức 160 – 180 kg N ha<sup>-1</sup>, mức này cao hơn khuyến cáo từ kết quả nghiên cứu trên bắp ăn trái. Phân lân sử dụng ở mức 115 – 120 kg P<sub>2</sub>O<sub>5</sub> ha<sup>-1</sup>. Tuy nhiên, theo Huỳnh Ngọc Đức (2010) cho rằng sự đáp ứng phân lân của cây bắp rau trên đất chuyên canh màu tại Chợ Mới, An Giang thấp, không làm tăng năng suất bắp rau. Phân kali là loại phân góp phần nâng cao chất lượng trái, tăng khả năng đề kháng của cây, giúp cây cứng chắc ít đổ ngã, chống chịu sâu bệnh. Kết quả điều tra cho thấy nông dân sử dụng kali từ 60 – 90kg K ha<sup>-1</sup>. Năng suất bắp rau ngoài chương trình (không theo tiêu chuẩn GlobalGAP) là 2,28 tấn ha<sup>-1</sup>, trong khi đó năng suất trong chương trình (theo chuẩn GlobalGAP) là 2,51 tấnha<sup>-1</sup>, cao hơn 0,23 tấn ha<sup>-1</sup> (Bảng 4).

**Bảng 4: Loại phân sử dụng và năng suất trong và ngoài mô hình sản xuất GlobalGAP**

Mô hình	Phân vô cơ áp dụng			Tỷ lệ bón hữu cơ (%)*	Năng suất (t/ha)	Độ lệch chuẩn
	Urea (kg)	Lân (kg)	Kali (kg)			
Không theo GlobalGAP	361	742	134	20	2,28	280
Theo TC GlobalGAP	326	375	100	100	2,51	190
Theo TC GlobalGAP + Nuôi bò	330	370	100	100	2,75-3,00	-

Nguồn: Số liệu điều tra hộ (2011)

\* Chỉ có 20% hộ ngoài chương trình (không theo GlobalGAP) sử dụng phân bò với lượng 5 tấn ha<sup>-1</sup>; 100% số hộ trong chương trình (theo tiêu chuẩn GlobalGAP) bón phân hữu cơ (bã bùn mía) 1 tấn ha<sup>-1</sup> và kết hợp phân bò ủ

Kết quả phỏng vấn nhóm nông dân tham gia dự án sản xuất bắp rau theo tiêu chuẩn GlobalGAP có kết hợp nuôi bò cho thấy nông dân sử dụng 2 giống bắp rau chính là Pacific và

giống SG-22 (chiếm 60%). Nông dân tuân thủ áp dụng theo quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGAP, phân bón áp dụng gồm phân hữu cơ, phân vô cơ (U-rê, DAP, kali, phân hỗn hợp

NPK). Nông dân có thể sản xuất từ 4 vụ bắp rau/năm. Năng suất bắp rau trồng theo tiêu chuẩn GAP kết hợp nuôi bò thay đổi từ 2,75 - 3,00 T/ha.

**3.2 Hiệu quả kinh tế của sản xuất bắp rau ở Mỹ An, Chợ Mới**

*3.2.1 Hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất bắp rau theo tiêu chuẩn Global GAP*

Nông dân trồng bắp rau theo tiêu chuẩn GlobalGAP chỉ bán cho công ty Antesco tại địa phương. Ngoài ra, có 2 đại lý thu mua rau sạch

theo tiêu chuẩn GAP. Kết quả trình bày ở Bảng 5 cho thấy, tổng thu nhập của bắp rau cho mỗi vụ trên 1 ha là 37,65 triệu đồng (trong đó, thu nhập từ sản phẩm phụ thân lá là 6,15 triệu/ha/vụ), tổng chi phí đầu tư là 15,09 triệu đồng, và lợi nhuận đem lại trên 1 ha/vụ là 22,56 triệu đồng. Tỷ lệ lời trên vốn đầu tư là 1,49, giá trị ngày công gia đình đầu tư mỗi vụ là 209.464 đồng. Nếu tính bình quân mỗi năm nông dân trồng bắp rau 4 vụ thì lợi nhuận đem lại là 90,23 triệu/ha/năm.

**Bảng 5. Hiệu quả kinh tế các mô hình sản xuất bắp rau theo tiêu chuẩn Global GAP và thông thường**

Chỉ tiêu	MH bắp rau thông thường (MH <sub>0</sub> )	MH bắp rau theo GlobalGAP (MH <sub>1</sub> )	MH bắp rau theo GlobalGAP và kết hợp nuôi bò (MH <sub>2</sub> )
Tổng chi phí đầu tư	16.019.231	15.096.154	21.096.154
- Chi phí lao động	4.692.308	4.692.308	4.692.308
- Chi phí vật tư	11.326.923	10.403.846	16.403.846
Tổng thu nhập	31.153.846	37.653.846	42.500.000
- Thu nhập SP chính	25.000.000	31.500.000	31.500.000
- Thu nhập SP phụ	6.153.846	6.153.846	11.000.000
Lợi nhuận	15.134.615	22.557.692	27.403.846
Lời/Vốn đầu tư	0,94	1,49	1,30
Lời/lao động gia đình	140.536	209.469	137.019
MBCR		- 8,04	2,42
MRR(1-2) =	81%		

Nguồn: Điều tra hộ và PRA (2011)

Tương tự, mô hình bắp rau theo GlobalGAP và kết hợp nuôi bò có tổng thu nhập cho mỗi vụ trên 1 ha là 42,5 triệu đồng (trong đó thu nhập từ nuôi bò là 11,0 triệu/năm); tổng chi phí đầu tư là 21,09 triệu đồng; và lợi nhuận đem lại trên 1 ha/vụ là 27,4 triệu đồng. Tỷ lệ lời trên vốn đầu tư là 1,3; giá trị ngày công gia đình đầu tư mỗi vụ là 137.019 đồng. Nếu tính bình quân mỗi năm nông dân trồng bắp rau 4 vụ thì lợi nhuận đem lại là 109,6 triệu/ha/năm (Bảng 5).

*3.2.2 Hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất bắp rau thông thường (không theo tiêu chuẩn GlobalGAP)*

Kỹ thuật sản xuất bắp rau của nông dân ngoài dự án cũng giống như nông dân thuộc dự án áp dụng tiêu chuẩn GlobalGAP. Tuy nhiên, nông dân ngoài dự án ít áp dụng phân hữu cơ và sử dụng nhiều phân vô cơ từ 550-650 kg/ha/vụ. Năng suất bắp rau đạt được thấp hơn, khoảng 2,1 - 2,5 T/ha.

Kết quả trình bày ở Bảng 5 cho thấy, tổng thu nhập của bắp rau cho mỗi vụ trên 1 ha là 31,15 triệu đồng, tổng chi phí đầu tư là 16,02 triệu đồng, và lợi nhuận đem lại trên 1 ha/vụ là 15,13 triệu đồng. Tỷ lệ lời trên vốn đầu tư thấp 0,94, giá trị ngày công gia đình đầu tư mỗi vụ là 140.536 đồng. Nếu tính bình quân mỗi năm nông dân trồng bắp rau 4 vụ thì lợi nhuận đem lại là 60,54 triệu/ha/năm. Như vậy, lợi nhuận đem lại của trồng bắp rau thông thường thấp hơn so với trồng bắp rau theo tiêu chuẩn GlobalGAP là 29,69 triệu/ha/năm.

*3.2.3 Tỷ số chi phí - lợi tức biên tế (MBCR) và MRR*

Bảng 5 cho thấy MBCR giữa mô hình thí nghiệm bắp rau theo GlobalGAP(MH<sub>1</sub>) so với mô hình sản xuất bắp rau thông thường - không theo tiêu chuẩn GlobalGAP (MH<sub>0</sub>) có giá trị tuyệt đối cao (8,04), dấu âm do đầu của MH<sub>1</sub> thấp hơn MH<sub>0</sub> nhưng lợi nhuận lại cao hơn.



MBCR giữa mô hình thí nghiệm MH<sub>2</sub> so với mô hình sản xuất bắp rau thông thường - MH<sub>0</sub> có giá trị dương 2,42. Như vậy, về mặt kinh tế, cả hai mô hình thí nghiệm bắp rau theo GlobalGAP (MH<sub>1</sub> và MH<sub>2</sub>) đều cho hiệu quả cao hơn mô hình sản xuất bắp rau thông thường (MH<sub>0</sub>).

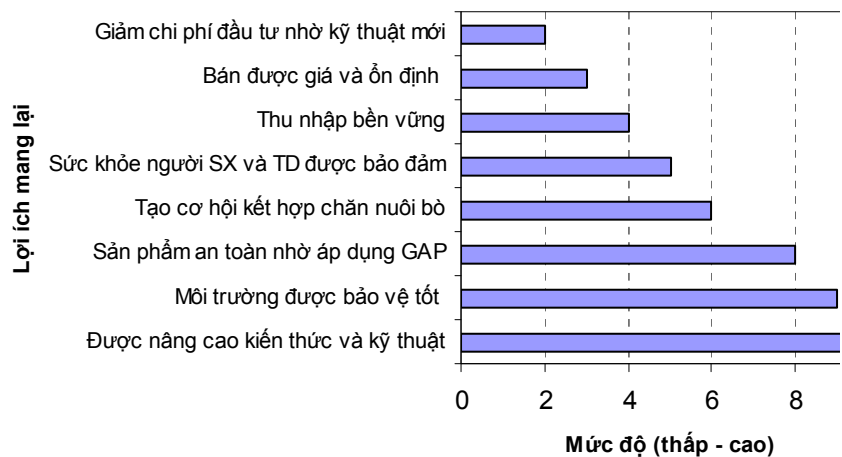
Tỷ suất biên tế của lợi nhuận (marginal rate of return (MRR)) được phân tích để nhận biết “lợi nhuận có thể gia tăng bao nhiêu khi mức đầu tư gia tăng” cho các mô hình, giá trị này rất cần thiết để khuyến cáo cho nông dân. Kết quả phân tích cho thấy giá trị MRR nông dân có thể nhận được là rất cao (81%) khi thay đổi từ MH<sub>1</sub> sang MH<sub>2</sub>. Điều này có nghĩa là khi nông dân thay đổi mô hình MH<sub>1</sub> sang MH<sub>2</sub> trong một đầu tư là 100.000 đồng, nông dân sẽ thu hồi lại vốn và lời là 181.000 đồng. Như vậy, mô hình *bắp*

rau theo GlobalGAP kết hợp nuôi bò (MH<sub>2</sub>) có thể khuyến cáo cho cho nông dân.

### 3.3 Sự thích hợp của mô hình sản xuất bắp rau theo chuẩn GlobalGAP ở Chợ Mới

Để đánh giá tổng quát về tính phù hợp và chấp nhận của mô hình sản xuất bắp rau theo chuẩn GlobalGAP, một loạt các câu hỏi mang tính xác định cho nhóm nông dân được phân tích trong đánh giá PRA. Các thông tin đánh giá được lượng hóa thông qua các mức độ của thang điểm từ 1 (thấp) đến 10 (cao). Hình 2 trình bày kết quả về mức độ thích hợp của mô hình sản xuất bắp rau theo tiêu chuẩn GlobalGAP theo quan điểm của nông dân, hầu hết các tiêu chí được đánh giá ở mức độ phù hợp rất cao.

**Hình 2: Lợi ích của MHSX bắp rau theo chuẩn GlobalGAP theo quan điểm của nông dân**



Những người dân tham gia chương trình sản xuất bắp rau theo tiêu chuẩn GAP cho rằng có những lợi ích như sau:

- Họ được nâng cao kiến thức và kỹ thuật nhờ được tập huấn 5-6 lần/năm, nắm rõ kỹ thuật và áp dụng, rèn luyện kỹ năng tính toán nhờ ghi chép;
- Môi trường được bảo vệ tốt và sản phẩm an toàn nhờ áp dụng GAP không sử dụng thuốc độc hại, quản lý tốt đồng ruộng;
- Trồng bắp rau tạo cơ hội kết hợp chăn nuôi bò nhờ có sản phẩm phụ, thân lá làm

thức ăn cho bò, phân bò được sử dụng bón lại cho đất;

- Bán được giá và ổn định nhờ công ty bao tiêu sản phẩm, giảm chi phí đầu tư nhờ áp dụng kỹ thuật mới;
- Sức khỏe người sản xuất và tiêu dùng được bảo đảm nhờ tuân thủ các tiêu chuẩn GAP (bịt khẩu trang khi phun xịt, sử dụng thuốc không độc hại);
- Trồng bắp rau tạo cơ hội “thu nhập bền vững” cho hộ nhờ trồng rải đều trong năm (và canh tác xen kẽ cách nhau 1 tuần), thu nhập từ chăn nuôi bò kết hợp, điều này cũng cho phép

sử dụng lao động hiệu quả, có đủ thức ăn cho bò, thu nhập đều giữa các tháng trong năm.

Tuy nhiên, nhóm nông dân cũng cho rằng có nhiều hạn chế trong việc sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGAP. Những hạn chế hay mặt yếu bao gồm:

- Vùng sản xuất theo tiêu chuẩn GAP chưa được quy hoạch, vẫn còn xen canh khó quản lý;
- Diện tích canh tác của nông dân còn nhỏ lẻ, không tập trung, không liền canh liền cư trong nhóm hộ sản xuất và khó quản lý;

Sản xuất theo tiêu chuẩn GAP, nông dân cần đầu tư kho bãi, kho thuốc phân tại nhà trong khi thiếu vốn.

### 3.4 Triển vọng của sản xuất bắp rau theo tiêu chuẩn GAP tại Chợ Mới, An Giang

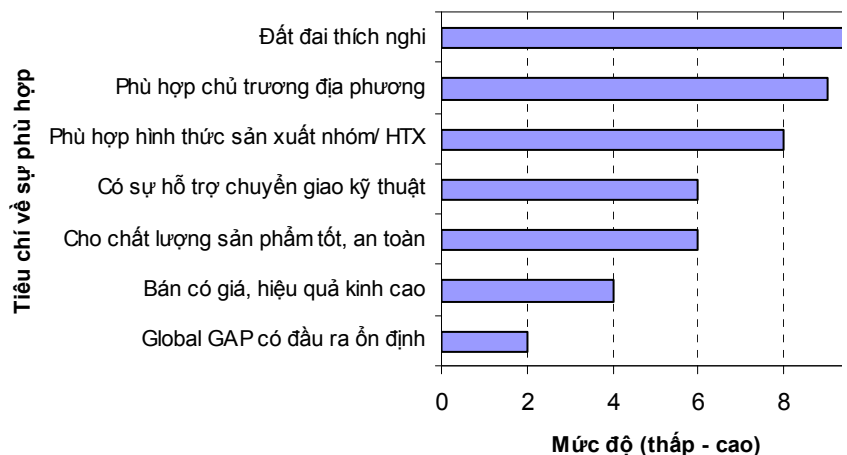
Kết quả khảo sát PRA tại xã Mỹ An, Chợ Mới cho thấy rằng xã Mỹ An là vùng đất thích hợp cho trồng bắp rau, nông dân có tập quán trồng rau và giàu kinh nghiệm. Hiện tại, ấp Mỹ Thạnh có 10,2 ha trồng bắp rau theo tiêu chuẩn GAP. Ấp Mỹ Phú và Mỹ Trung có 101 ha trồng rau an toàn và là vùng nguyên liệu lớn của xã. Cũng theo ý kiến của cơ quan quản lý địa phương, huyện Chợ Mới là vùng nguyên liệu chính cho sản xuất bắp rau theo tiêu chuẩn

GAP. Huyện có định hướng phát triển cho các xã Mỹ An, Hội An, Mỹ Luông và Long Kiến trở thành vùng sản xuất bắp rau theo tiêu chuẩn GAP.

Hình 3 trình bày kết quả về mức độ phù hợp của mô hình sản xuất bắp rau theo tiêu chuẩn GlobalGAP theo quan điểm của chính quyền, nhà quản lý nông nghiệp địa phương, hầu hết các tiêu chí được đánh giá ở mức độ phù hợp rất cao, thể hiện qua các tiêu chí sau:

- Phù hợp chủ trương chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, lợi thế đất đai thích nghi trồng màu;
- Phù hợp hình thức tổ chức sản xuất nhóm cùng mục tiêu, hợp tác xã mà địa phương quan tâm;
- Các cơ quan chức năng quan tâm đầu tư về kỹ thuật, hàng năm tổ chức huấn luyện, chuyển giao kỹ thuật cho nông dân ít nhất 4 lần;
- Sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGAP cho chất lượng sản phẩm tốt, an toàn;
- Sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGAP có đầu ra ổn định (có nhà máy rau quả đông lạnh), bán có giá, đem lại hiệu quả kinh cao.

**Hình 3: Đánh giá sự phù hợp của MHSX bắp rau theo tiêu chuẩn GlobalGAP**



## 4 KẾT LUẬN

Thực trạng và hiệu quả của các mô hình sản xuất bắp rau có thể nhận thấy rõ qua đánh giá

PRA và phân tích kinh tế hộ nông dân sản xuất bắp rau tại Chợ Mới, An Giang.

- Kỹ thuật canh tác bắp rau của nông dân phần lớn sử dụng phân vô cơ. Những hộ nông

dân áp dụng mô hình sản xuất bắp rau theo tiêu chuẩn GlobalGAP có bốn phân hữu cơ. Năng suất bắp rau có bốn phân hữu cơ và áp dụng GAP cho năng suất cao, 2,5-3,0 tấn/ha/vụ.

– Hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất bắp rau theo tiêu chuẩn GlobalGAP của các hộ tham gia dự án là khá cao, lợi nhuận ròng là 22,6 triệu/ha/vụ, hiệu quả lời/vốn đầu tư là 1,49. Hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất bắp rau theo tiêu chuẩn Global GAP kết hợp nuôi bò thì cao hơn 27,4 triệu/ha/vụ, hiệu quả lời/vốn đầu tư là 1,30, có thể khuyến cáo cho nông dân. Trong khi mô hình sản xuất bắp rau thông thường (không theo tiêu chuẩn GlobalGAP) cho lợi nhuận thấp.

Mô hình sản xuất bắp rau theo tiêu chuẩn GlobalGAP tỏ ra thích hợp, nông dân chấp nhận. Các xã Mỹ An, Hội An, Mỹ Luông và Long Kiên được đánh giá có triển vọng tốt trong sản xuất bắp rau theo tiêu chuẩn GlobalGAP.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. CIMMYT (1988). From Agronomic data to farmer recommendations: An economics training manual. Completely revised edition. Mexico, D.F.
2. Huỳnh Ngọc Đức (2010). Nghiên cứu sự đáp ứng của cây bắp rau đối với phân lân trên đất chuyên canh màu tại Chợ Mới, An Giang, Luận án thạc sĩ Khoa Học Đất, Bộ môn Khoa Học Đất và Quản Lý Đất Đai, Khoa Nông Nghiệp & SHƯĐ, Trường Đại học Cần Thơ.
3. Gines H.C. and R.A.Morris (1987). Methods of analysis of cropping pattern performance: Agronomic adaptation. In 1987 FSSR training program, IRRI, Los Banos, Laguna, Philippines.
4. Nguyễn Duy Cần và Nico Vromant (2009). PRA – Đánh giá nông thôn với sự tham gia của người dân. Nxb Nông nghiệp, TP. Hồ Chí Minh, 55p.
5. Shaner W.W., P.F. Philipp, W.R. Schmehl, 1982. Farming systems research and development: Guidelines for development countries. 420p.
6. Xuan, V.T. and S. Matsui (Eds.), 1998. Development of farming systems in the Mekong Delta, Vietnam. Ho Chi Minh City publishing House, Saigon Times Group and Vietnam Asia Pacific Economic Center. 316p.
7. Zandstra H.G., E.C. Price, J.A. Litsinger, and R.A. Morris, 1981. A Methodology for on-farm cropping systems research. IRRI, Los Banos, Laguna, Philippines. 198p.